

## ÔN TỔNG THỂ VẬT LÝ 12.

**PHIẾU SỐ 13 MH17L1**

**NGÀY 22-5**

**Câu 1:** Một con lắc lò xo gồm một vật nhỏ khối lượng  $m$  và lò xo có độ cứng  $k$ . Con lắc dao động điều hòa với tần số góc là

- A.  $2\pi\sqrt{\frac{m}{k}}$ .      B.  $2\pi\sqrt{\frac{k}{m}}$ .      C.  $\sqrt{\frac{m}{k}}$ .      D.  $\sqrt{\frac{k}{m}}$ .

**Câu 2:** Một chất điểm dao động điều hòa với phương trình  $x = A \cos(\omega t + \varphi)$ , trong đó  $A, \omega$  là các hằng số dương. Pha của dao động ở thời điểm  $t$  là

- A.  $(\omega t + \varphi)$ .      B.  $\omega$ .      C.  $\varphi$ .      D.  $\omega t$ .

**Câu 3:** Hai dao động có phương trình lần lượt là:  $x_1 = 5\cos(2\pi t + 0,75\pi)$  (cm) và  $x_2 = 10\cos(2\pi t + 0,5\pi)$  (cm). Độ lệch pha của hai dao động này có độ lớn bằng

- A.  $0,25\pi$ .      B.  $1,25\pi$ .      C.  $0,50\pi$ .      D.  $0,75\pi$ .

**Câu 4:** Một sóng cơ truyền dọc theo trục  $Ox$  với phương trình  $u = 2\cos(40\pi t - \pi x)$  (mm). Biên độ của sóng này là

- A. 2 mm.      B. 4 mm.      C.  $\pi$  mm.      D.  $40\pi$  mm.

**Câu 5:** Khi nói về sóng cơ, phát biểu nào sau đây sai?

- A. Sóng cơ lan truyền được trong chân không.  
 B. Sóng cơ lan truyền được trong chất rắn.  
 C. Sóng cơ lan truyền được trong chất khí.  
 D. Sóng cơ lan truyền được trong chất lỏng.

**Câu 6:** Một sóng cơ truyền dọc theo trục  $Ox$  có phương trình  $u = A\cos(20\pi t - \pi x)$ , với  $t$  tính bằng s. Tần số của sóng này bằng

- A.  $10\pi$  Hz.      B. 10 Hz.      C. 20 Hz.      D.  $20\pi$  Hz.

**Câu 7:** Suất điện động cảm ứng do máy phát điện xoay chiều một pha tạo ra có biểu thức  $e = 220\sqrt{2} \cos(100\pi t + 0,5\pi)$  (V). Giá trị hiệu dụng của suất điện động này là

- A.  $220\sqrt{2}$  V.      B.  $110\sqrt{2}$  V.      C. 110 V.      D. 220 V.

**Câu 8:** Đặt điện áp  $u = U_0 \cos \omega t$  (với  $U_0$  không đổi,  $\omega$  thay đổi được) vào hai đầu đoạn mạch mắc nối tiếp gồm điện trở  $R$ , cuộn cảm thuần có độ tự cảm  $L$  và tụ điện có điện dung  $C$ . Khi  $\omega = \omega_0$  thì trong mạch có cộng hưởng. Tần số góc  $\omega_0$  là

- A.  $2\sqrt{LC}$ .      B.  $\frac{2}{\sqrt{LC}}$ .      C.  $\frac{1}{\sqrt{LC}}$ .      D.  $\sqrt{LC}$ .

**Câu 9:** Đặt điện áp  $u = U_0 \cos 100\pi t$  ( $t$  tính bằng s) vào hai đầu một tụ điện có điện dung  $\frac{10^{-4}}{\pi}$  (F).

Dung kháng của tụ điện là

- A. 150  $\Omega$ .      B. 200  $\Omega$ .      C. 50  $\Omega$ .      D. 100  $\Omega$ .

**Câu 10:** Sóng điện từ

- A. là sóng dọc và truyền được trong chân không.  
 B. là sóng ngang và truyền được trong chân không.  
 C. là sóng dọc và không truyền được trong chân không.  
 D. là sóng ngang và không truyền được trong chân không.

**Câu 11:** Để xem các chương trình truyền hình phát sóng qua vệ tinh, người ta dùng anten thu sóng trực tiếp từ vệ tinh, qua bộ xử lý tín hiệu rồi đưa đến màn hình. Sóng điện từ mà anten thu trực tiếp từ vệ tinh thuộc loại

- A. sóng trung.      B. sóng ngắn.      C. sóng dài.      D. sóng cực ngắn.

- Câu 12:** Một mạch dao động điện từ gồm cuộn cảm thuần có độ tự cảm  $10^{-5}$  H và tụ điện có điện dung  $2,5.10^{-6}$  F. Lấy  $\pi = 3,14$ . Chu kì dao động riêng của mạch là  
 A.  $1,57.10^{-5}$  s.      B.  $1,57.10^{-10}$  s.      C.  $6,28.10^{-10}$  s.      D.  $3,14.10^{-5}$  s.
- Câu 13:** Tia X **không** có ứng dụng nào sau đây?  
 A. Chữa bệnh ung thư.      B. Tìm bọt khí bên trong các vật bằng kim loại.  
 C. Chiếu điện, chụp điện.      D. Sấy khô, sưởi ấm.
- Câu 14:** Trong máy quang phổ lăng kính, lăng kính có tác dụng  
 A. nhiễu xạ ánh sáng.      B. tán sắc ánh sáng.  
 C. giao thoa ánh sáng.      D. tăng cường độ chùm sáng.
- Câu 15:** Một bức xạ khi truyền trong chân không có bước sóng là  $0,60 \mu\text{m}$ , khi truyền trong thủy tinh có bước sóng là  $\lambda$ . Biết chiết suất của thủy tinh đối với bức xạ là 1,5. Giá trị của  $\lambda$  là  
 A. 900 nm.      B. 380 nm.      C. 400 nm.      D. 600 nm.
- Câu 16:** Theo thuyết lượng tử ánh sáng, phát biểu nào sau đây đúng?  
 A. Ánh sáng đơn sắc có tần số càng lớn thì photon ứng với ánh sáng đó có năng lượng càng lớn.  
 B. Năng lượng của photon giảm dần khi photon ra xa dần nguồn sáng.  
 C. Photon tồn tại trong cả trạng thái đứng yên và trạng thái chuyển động.  
 D. Năng lượng của các loại photon đều bằng nhau.
- Câu 17:** Quang điện trở có nguyên tắc hoạt động dựa trên hiện tượng  
 A. quang - phát quang.      B. quang điện ngoài.  
 C. quang điện trong.      D. nhiệt điện.
- Câu 18:** Công thoát của electron khỏi một kim loại là  $6,625.10^{-19}$  J. Biết  $h = 6,625.10^{-34}$  J.s,  $c = 3.10^8$  m/s. Giới hạn quang điện của kim loại này là  
 A. 300 nm.      B. 350 nm.      C. 360 nm.      D. 260 nm.
- Câu 19:** Số nuclôn có trong hạt nhân  $^{23}_{11}\text{Na}$  là  
 A. 23.      B. 11.      C. 34.      D. 12.
- Câu 20:** Đại lượng nào sau đây đặc trưng cho mức độ bền vững của hạt nhân?  
 A. Năng lượng liên kết.      B. Năng lượng nghỉ.  
 C. Độ hụt khối.      D. Năng lượng liên kết riêng.
- Câu 21:** Tia  $\alpha$   
 A. có tốc độ bằng tốc độ ánh sáng trong chân không.  
 B. là dòng các hạt nhân  $^4_2\text{He}$ .  
 C. không bị lệch khi đi qua điện trường và từ trường.  
 D. là dòng các hạt nhân  $^1_1\text{H}$ .
- Câu 22:** Khi bắn phá hạt nhân  $^{14}_7\text{N}$  bằng hạt  $\alpha$ , người ta thu được một hạt proton và một hạt nhân X. Hạt nhân X là  
 A.  $^{12}_6\text{C}$ .      B.  $^{16}_8\text{O}$ .      C.  $^{17}_8\text{O}$ .      D.  $^{14}_6\text{C}$ .
- Câu 23:** Tầng ôzôn là tấm “áo giáp” bảo vệ cho người và sinh vật trên mặt đất khỏi bị tác dụng hủy diệt của  
 A. tia tử ngoại trong ánh sáng Mặt Trời.  
 B. tia hồng ngoại trong ánh sáng Mặt Trời.  
 C. tia đơn sắc màu đỏ trong ánh sáng Mặt Trời.  
 D. tia đơn sắc màu tím trong ánh sáng Mặt Trời.
- Câu 24:** Hiện tượng giao thoa ánh sáng là bằng chứng thực nghiệm chứng tỏ ánh sáng  
 A. là sóng siêu âm.      B. là sóng dọc.      C. có tính chất hạt.      D. có tính chất sóng.
- Câu 25:** Một chất điểm dao động điều hòa theo một quỹ đạo thẳng dài 14 cm với chu kì 1 s. Tốc độ trung bình của chất điểm từ thời điểm  $t_0$  chất điểm qua vị trí có li độ 3,5 cm theo chiều dương đến thời điểm gia tốc của chất điểm có độ lớn cực đại lần thứ 3 (kể từ  $t_0$ ) là  
 A. 27,3 cm/s.      B. 28,0 cm/s.      C. 27,0 cm/s.      D. 26,7 cm/s.

**Câu 26:** Một con lắc lò xo gồm vật nhỏ có khối lượng  $m$  và lò xo có độ cứng  $40 \text{ N/m}$  đang dao động điều hòa với biên độ  $5 \text{ cm}$ . Khi vật đi qua vị trí có li độ  $3 \text{ cm}$ , con lắc có động năng bằng

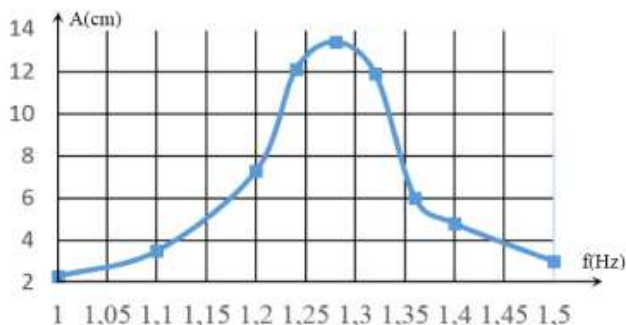
A.  $0,024 \text{ J}$ .      B.  $0,032 \text{ J}$ .      C.  $0,018 \text{ J}$ .      D.  $0,050 \text{ J}$ .

**Câu 27:** Một con lắc đơn đang dao động điều hòa với biên độ góc  $5^\circ$ . Khi vật nặng đi qua vị trí cân bằng thì người ta giữ chặt điểm chính giữa của dây treo, sau đó vật tiếp tục dao động điều hòa với biên độ góc  $\alpha_0$ . Giá trị của  $\alpha_0$  bằng

A.  $7,1^\circ$ .      B.  $10^\circ$ .      C.  $3,5^\circ$ .      D.  $2,5^\circ$ .

**Câu 28:** Khảo sát thực nghiệm một con lắc lò xo gồm vật nhỏ có khối lượng  $216 \text{ g}$  và lò xo có độ cứng  $k$ , dao động dưới tác dụng của ngoại lực  $F = F_0 \cos 2\pi ft$ , với  $F_0$  không đổi và  $f$  thay đổi được. Kết quả khảo sát ta được đường biểu diễn biên độ  $A$  của con lắc theo tần số  $f$  có đồ thị như hình vẽ. Giá trị của  $k$  xấp xỉ bằng

A.  $13,64 \text{ N/m}$ .      B.  $12,35 \text{ N/m}$ .  
C.  $15,64 \text{ N/m}$ .      D.  $16,71 \text{ N/m}$ .



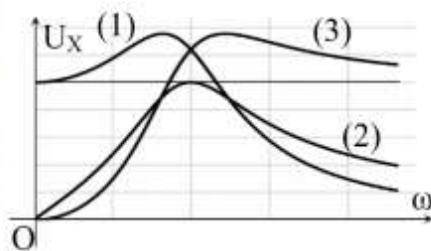
**Câu 29:** Tại điểm O trong lòng đất đang xảy ra dư chấn của một trận động đất. Ở điểm A trên mặt đất có một trạm quan sát địa chấn. Tại thời điểm  $t_0$ , một rung chuyển ở O tạo ra 2 sóng cơ (một sóng dọc, một sóng ngang) truyền thẳng đến A và tới A ở hai thời điểm cách nhau  $5 \text{ s}$ . Biết tốc độ truyền sóng dọc và tốc độ truyền sóng ngang trong lòng đất lần lượt là  $8000 \text{ m/s}$  và  $5000 \text{ m/s}$ . Khoảng cách từ O đến A bằng

A.  $66,7 \text{ km}$ .      B.  $15 \text{ km}$ .      C.  $115 \text{ km}$ .      D.  $75,1 \text{ km}$ .

**Câu 30 :** Tại hai điểm A và B ở mặt chất lỏng có 2 nguồn kết hợp dao động điều hòa theo phương thẳng đứng và cùng pha. Ax là nửa đường thẳng nằm ở mặt chất lỏng và vuông góc với AB. Trên Ax có những điểm mà các phần tử ở đó dao động với biên độ cực đại, trong đó M là điểm xa A nhất, N là điểm kế tiếp với M, P là điểm kế tiếp với N và Q là điểm gần A nhất. Biết  $MN = 22,25 \text{ cm}$  và  $NP = 8,75 \text{ cm}$ . Độ dài đoạn QA gần nhất với giá trị nào sau đây?

A.  $1,2 \text{ cm}$ .      B.  $3,1 \text{ cm}$ .      C.  $4,2 \text{ cm}$ .      D.  $2,1 \text{ cm}$ .

**Câu 31:** Đặt điện áp  $u = U\sqrt{2} \cos \omega t$  ( $U$  không đổi,  $\omega$  thay đổi được) vào hai đầu đoạn mạch gồm điện trở thuần  $R$ , cuộn cảm thuần có độ tự cảm  $L$  và tụ điện có điện dung  $C$  mắc nối tiếp. Trên hình vẽ, các đường (1), (2) và (3) là đồ thị của các điện áp hiệu dụng ở hai đầu điện trở  $U_R$ , hai đầu tụ điện  $U_C$  và hai đầu cuộn cảm  $U_L$  theo tần số góc  $\omega$ . Đường (1), (2) và (3) theo thứ tự tương ứng là



A.  $U_C, U_R$  và  $U_L$ .      B.  $U_L, U_R$  và  $U_C$ .      C.  $U_R, U_L$  và  $U_C$ .      D.  $U_C, U_L$  và  $U_R$ .

**Câu 32:** Cho dòng điện có cường độ  $i = 5\sqrt{2} \cos 100\pi t$  ( $i$  tính bằng A,  $t$  tính bằng s) chạy qua cuộn cảm thuần có độ tự cảm  $\frac{0,4}{\pi} \text{ (H)}$ . Điện áp hiệu dụng giữa hai đầu cuộn cảm bằng

A.  $200\sqrt{2} \text{ V}$ .      B.  $220 \text{ V}$ .      C.  $200 \text{ V}$ .      D.  $220\sqrt{2} \text{ V}$ .

**Câu 33:** Đặt điện áp xoay chiều có giá trị hiệu dụng  $200 \text{ V}$  vào hai đầu đoạn mạch gồm cuộn cảm thuần mắc nối tiếp với điện trở. Biết điện áp hiệu dụng ở hai đầu điện trở là  $100 \text{ V}$ . Độ lệch pha giữa điện áp ở hai đầu đoạn mạch so với cường độ dòng điện chạy qua đoạn mạch bằng

A.  $\frac{\pi}{6}$ .      B.  $\frac{\pi}{4}$ .      C.  $\frac{\pi}{2}$ .      D.  $\frac{\pi}{3}$ .

**Câu 34:** Từ một trạm điện, điện năng được truyền tải đến nơi tiêu thụ bằng đường dây tải điện một pha. Biết công suất truyền đến nơi tiêu thụ luôn không đổi, điện áp và cường độ dòng điện luôn cùng pha. Ban đầu, nếu ở trạm điện chưa sử dụng máy biến áp thì điện áp hiệu dụng ở trạm điện bằng 1,2375 lần điện áp hiệu dụng ở nơi tiêu thụ. Để công suất hao phí trên đường dây truyền tải giảm 100 lần so với lúc ban đầu thì ở trạm điện cần sử dụng máy biến áp lí tưởng có tỉ số giữa số vòng dây của cuộn thứ cấp so với số vòng dây cuộn sơ cấp là

- A. 8,1.                      B. 6,5.                      C. 7,6.                      D. 10.

**Câu 35:** Cho đoạn mạch gồm điện trở, cuộn dây và tụ điện mắc nối tiếp. Đặt điện áp  $u = 65\sqrt{2} \cos 100\pi t$  (V) vào hai đầu đoạn mạch thì điện áp hiệu dụng ở hai đầu điện trở, hai đầu cuộn dây, hai đầu tụ điện lần lượt là 13 V, 13 V, 65 V. Hệ số công suất của đoạn mạch bằng

- A.  $\frac{1}{5}$ .                      B.  $\frac{12}{13}$ .                      C.  $\frac{5}{13}$ .                      D.  $\frac{4}{5}$ .

**Câu 36:** Trong một thí nghiệm Y-âng về giao thoa ánh sáng, khoảng cách giữa hai khe là 0,5 mm, khoảng cách từ mặt phẳng chứa hai khe đến màn quan sát là 2 m. Nguồn sáng phát ánh sáng trắng có bước sóng trong khoảng từ 380 nm đến 760 nm. M là một điểm trên màn, cách vân sáng trung tâm 2 cm. Trong các bức xạ cho vân sáng tại M, bức xạ có bước sóng dài nhất là

- A. 417 nm.                      B. 570 nm.                      C. 714 nm.                      D. 760 nm.

**Câu 37:** Từ không khí, chiếu chùm sáng hẹp (coi như một tia sáng) gồm hai bức xạ đơn sắc màu đỏ và màu chàm tới mặt nước với góc tới  $53^\circ$  thì xảy ra hiện tượng phản xạ và khúc xạ. Biết tia khúc xạ màu đỏ vuông góc với tia phản xạ, góc giữa tia khúc xạ màu chàm và tia khúc xạ màu đỏ là  $0,5^\circ$ . Chiết suất của nước đối với tia sáng màu chàm là

- A. 1,333.                      B. 1,343.                      C. 1,327.                      D. 1,312.

**Câu 38:** Xét nguyên tử hiđrô theo mẫu nguyên tử Bo. Gọi F là độ lớn lực tương tác điện giữa êlectron và hạt nhân khi êlectron chuyển động trên quỹ đạo dừng K. Khi độ lớn lực tương tác điện giữa êlectron và hạt nhân là  $\frac{F}{16}$  thì êlectron đang chuyển động trên quỹ đạo dừng nào?

- A. Quỹ đạo dừng L.    B. Quỹ đạo dừng M.    C. Quỹ đạo dừng N.    D. Quỹ đạo dừng O.

**Câu 39:** Người ta dùng hạt prôtôn có động năng 1,6 MeV bắn vào hạt nhân  ${}^7_3\text{Li}$  đứng yên, sau phản ứng thu được hai hạt giống nhau có cùng động năng. Giả sử phản ứng không kèm theo bức xạ  $\gamma$ . Biết năng lượng tỏa ra của phản ứng là 17,4 MeV. Động năng của mỗi hạt sinh ra bằng

- A. 9,5 MeV.                      B. 8,7 MeV.                      C. 0,8 MeV.                      D. 7,9 MeV.

**Câu 40:** Một sợi dây sắt, mảnh, dài 120 cm căng ngang, có hai đầu cố định. Ở phía trên, gần sợi dây có một nam châm điện được nuôi bằng nguồn điện xoay chiều có tần số 50 Hz. Trên dây xuất hiện sóng dừng với 2 bụng sóng. Tốc độ truyền sóng trên dây là

- A. 120 m/s.                      B. 60 m/s.                      C. 180 m/s.                      D. 240 m/s.

-----**Hết**-----